

Số: 29/QĐ-MNTT

Tiên Thắng, ngày 16 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc niêm yết công khai bổ sung dự toán thu –chi năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MÀM NON TIỀN THẮNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 4679/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Tiên Lãng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 07/05/2025 của UBND huyện Tiên Lãng về việc cấp kinh phí chi tiền miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo; học bổng học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 07/05/2025 của UBND huyện Tiên Lãng về việc cấp kinh phí chi hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 03/06/2025 của UBND huyện Tiên Lãng về việc bổ sung kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 2451/QĐ-UBND ngày 03/06/2025 của UBND huyện Tiên Lãng về việc cấp kinh phí gia hạn phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp Mimosa. Net; Gia hạn phần mềm QLTS, Phần mềm QLCB;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung dự toán thu - chi năm 2025 của Trường

mầm non Tiên Thắng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Các ông (bà) cán bộ, giáo viên, nhân viên trường mầm non Tiên Thắng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhân:

- Như điều 2;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lương Thị Thanh Hà

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON TIỀN THẮNG

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (Bổ sung lần 1)

(Kèm theo Quyết định số 29/QĐ- MNQP ngày 16/06/2025 của Trường MN Tiên Thắng)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	380.005.813
I	Nguồn ngân sách trong nước	380.005.813
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục	380.005.813
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	186.501.563
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	193.504.250
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	

8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	